

Số: /2022/QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số
trên địa bàn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Kết luận số 65-KL/TW ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định thông qua Quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Trưởng ban Dân tộc tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định, với nội dung cụ thể như sau:

1. Chính sách cấp không thu tiền muối i-ốt

Cấp không thu tiền muối i-ốt cho đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống ở địa bàn thuộc các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn và Phù Cát; định mức 06kg/người/năm.

2. Chính sách hỗ trợ học sinh đi học

a) Đối tượng hỗ trợ

Học sinh là người dân tộc thiểu số đang đi học tại các trường mẫu giáo, mầm non và phổ thông các cấp thuộc các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Cát.

b) Mức hỗ trợ

Học sinh mẫu giáo, mầm non được hỗ trợ 160.000 đồng/học sinh/tháng (trừ đối tượng đã được thụ hưởng theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non và các quy định sửa đổi bổ sung khác).

Học sinh đang học tại các trường phổ thông dân tộc bán trú hoặc nội trú (trừ đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục và Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn) không được hưởng chính sách nội trú hoặc bán trú thì được hưởng hỗ trợ mỗi tháng bằng 30% mức lương cơ sở.

Hỗ trợ thêm tiền ăn cho học sinh đang học bán trú tại các trường phổ thông dân tộc bán trú, nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Định: 240.000 đồng/học sinh/tháng.

Học sinh đang học tại các trường phổ thông tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (trừ đối tượng đã được hưởng theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn) được hỗ trợ mỗi tháng bằng 20% mức lương cơ sở.

Các mức hỗ trợ tại điểm b khoản 2 Điều này được hưởng theo thời gian học thực tế tối đa 09 tháng/năm học. Nếu học sinh bỏ học thì không tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

3. Trợ giá sử dụng giống lúa lai

a) Định mức lượng giống lúa lai cho 01 ha gieo trồng: 45 kg/ha.

b) Loại giống trợ giá: Các giống lúa lai có trong cơ cấu giống của tỉnh.

c) Mức trợ giá, đối tượng hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% và ngân sách huyện, xã hỗ trợ 50% giá giống lúa lai cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống ở địa bàn thuộc các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn và Phù Cát; hỗ trợ không quá 02 vụ/năm (vụ Đông Xuân và Hè Thu).

d) Điều kiện hỗ trợ: Ủy ban nhân dân các huyện xây dựng kế hoạch sản xuất lúa lai trên diện tích đảm bảo nguồn nước tưới theo kế hoạch sản xuất hàng năm của địa phương; sử dụng kinh phí của địa phương để hỗ trợ thêm về phân bón, tập huấn kỹ thuật nhằm đảm bảo nâng cao năng suất và hiệu quả trong việc sử dụng giống lúa lai.

4. Chính sách hỗ trợ người có uy tín

a) Đối tượng hỗ trợ

Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định (theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số). Người có uy tín thuộc đối tượng thụ hưởng nhiều mức hỗ trợ thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

b) Mức hỗ trợ

Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng để tham gia công tác vận động, tuyên truyền tại cơ sở.

5. Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế

a) Đối tượng hỗ trợ

Người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định.

b) Mức hỗ trợ

Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế (70% mức đóng bảo hiểm y tế còn lại do ngân sách Trung ương hỗ trợ).

6. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2023 - 31/12/2025.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Quyết định này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan chủ trì tổ chức triển khai chính sách, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hàng năm, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện chính sách; tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả thực hiện hàng năm cho Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương theo quy định. Đồng thời chịu trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương thụ hưởng tổ chức thực hiện việc cấp phát muối i-ốt hàng năm cho đồng bào dân tộc thiểu số; tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chính sách theo chức năng, thẩm quyền.

2. Sở Tài chính phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí hàng năm; đồng thời, hướng dẫn thực hiện cấp phát, thanh quyết toán kinh phí theo đúng chế độ quy định hiện hành của Nhà nước, đảm bảo nguồn kinh phí để thực hiện đầy đủ các chính sách.

3. Các sở, ngành liên quan

a) Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra các trường học thực hiện việc hỗ trợ tiền ăn cho học sinh là người dân tộc thiểu số, bảo đảm các chế độ được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định và quyết toán với cơ quan tài chính theo quy định.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng giống lúa lai cho phù hợp với từng địa bàn để đồng bào dân tộc thiểu

số ứng dụng vào sản xuất đạt hiệu quả.

c) Bảo hiểm xã hội tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tổng hợp số lượng đối tượng thụ hưởng, kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đảm bảo không trùng lặp, đảm bảo quyền lợi khám, chữa bệnh của các đối tượng; đồng thời thanh quyết toán kinh phí được cấp theo đúng quy định.

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trực tiếp triển khai, chỉ đạo tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách bảo đảm đúng đối tượng, địa bàn và các chế độ theo quy định; đồng thời chú ý thực hiện việc kiểm tra, giám sát và chỉ đạo việc theo dõi, đánh giá tổng hợp tình hình, báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Dân tộc tỉnh) theo định kỳ và đột xuất để Ủy ban nhân dân tỉnh biết, chỉ đạo giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm

Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành một số Chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Bộ Chính trị hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh